| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN G**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2025/DS-ST
Ngày: 17 - 01 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Nguyễn Thị Én

Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Toà án nhân dân quận G.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa****:* Bà Lê Thị Thu Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2025, Tòa án nhân dân quận Gxét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1234/2024/TLST-DS, ngày 30/10/2024. Về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 678/2024/QĐXXST-DS, ngày 12/12/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 658/2024/QĐST-DS, ngày 31/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH V; địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Số 81 đường C, phường B, Quận M.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thùy D; địa chỉ: Số 261-263 đường L, Phường H, quận P.

Văn bản ủy quyền số 05/2024/POA, lập ngày 19/4/2024.

- Bị đơn: Bà Lê Thị T; địa chỉ: Nhà không số, Tổ 62 đường T, Phường A, quận G.

**NHẬN THẤY:**

*1. Trong đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 11/09/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:*

Ngày 29/8/2014, bà T có ký với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tài chính P, nay đổi tên thành Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S (Sau đây viết tắt là Công ty Tài chính S) Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10596866 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng), cụ thể như sau:

Số tiền cho vay: 93.000.000 đồng;

Mục đích vay: Tiêu dùng;

Thời hạn vay: 48 tháng;

Lãi suất: 34.5%/năm;

Lãi phạt: 150% lãi suất;

Nợ gốc và nợ lãi được trả thành: 48 kỳ;

Phương thức vay: Tín chấp.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà T đã thanh toán 23.326.700 đồng, trong đó: Nợ gốc 7.042.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 16.284.700 đồng. Kể từ ngày 05/4/2015, bà T ngừng thực hiện nghĩa vụ nên toàn bộ dư nợ được chuyển sang nợ quá hạn.

Ngày 09/9/2022, Công ty Tài chính S ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/Collection-SVFC với Công ty TNHH V (Sau đây viết tắt là V). Theo thỏa thuận, Công ty Tài chính S đã chuyển nhượng cho V nhiều Hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó có Hợp đồng tín dụng số 10596866 giữa bà Lê Thị T với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tài chính P. Sau khi Hợp đồng mua bán nợ trên được ký kết, V có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Theo đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 11/9/2024 và bản khai ngày 06/01/2025, V yêu cầu bà T trả cho V số tiền nợ tính đến ngày 17/01/2025 là 184.518.100 đồng. Trong đó, nợ gốc là 85.958.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 98.560.100 đồng;

Kể từ ngày 06/8/2018 đến ngày 17/01/2025, V không yêu cầu bà T trả tiền lãi quá hạn và lãi phát sinh.

Kể từ ngày 18/01/2025 cho đến khi bà T trả hết các khoản tiền, bà T phải trả tiền lãi quá hạn theo quy định tại Khoản 4.3 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trả tiền một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*2. Bị đơn - Bà Lê Thị T* không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của V.

*3. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, có ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V.

Đương sự chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Ngày 09/9/2022, Công ty Tài chính S và V có ký Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/Collection-SVFC. Theo điểm b tiểu mục 9.2.1 mục 9.2 Điều 9 của Hợp đồng mua bán nợ thì bên mua kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của bên bán theo quy định tại hợp đồng tín dụng. Do đó, V có quyền khởi kiện bà T yêu cầu trả nợ vay từ Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty Tài chính S là phù hợp thỏa thuận của các bên và phù hợp quy định tại Điều 365 Bộ luật dân sự năm 2015.

V khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ vay từ Hợp đồng tín dụng cá nhân. Bà T có nơi cư trú tại quận G. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

*Về người tham gia tố tụng*:

Đại diện V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Yêu cầu của V phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn - bà Lê Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ lời khai của đương sự cũng như căn cứ tài liệu, chứng cứ do V cung cấp, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Ngày 29/8/2014, bà T và Công ty Tài chính S có ký Hợp đồng tín dụng cá nhân. Căn cứ Giấy nhận nợ ngày 29/8/2014 thể hiện bà T có nhận nợ vay từ Công ty Tài chính S với số tiền 93.000.000 đồng. Như vậy, giữa Công ty Tài

chính S và bà T có giao dịch về tài sản là tiền thông qua Hợp đồng tín dụng cá nhân nêu trên. Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của V thì quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể, tính đến ngày 17/01/2025 bà T còn nợ số tiền là 184.518.100 đồng. Trong đó, nợ gốc là 85.958.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 98.560.100 đồng.

Sau khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà T không nộp (gửi) cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình và không nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) để phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của V. Bà T vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả nợ vay. Điều đó thể hiện, bà T còn nợ V số tiền tính đến ngày 17/01/2025 là 184.518.100 đồng. Trong đó, nợ gốc là 85.958.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 98.560.100 đồng. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của V về việc buộc bà T trả nợ vay.

Kể từ ngày 06/8/2018 đến ngày 17/01/2025, V không yêu cầu bà T trả tiền lãi. Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày 18/01/2025, V yêu cầu bà T phải trả tiền lãi quá hạn theo quy định tại Khoản 4.3 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết nợ, có sơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V yêu cầu trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của V và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của V được chấp nhận, V không phải chịu án phí.
Bà T phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của V được Tòa án chấp nhận. Cụ thể, bà T có nghĩa vụ trả cho V số tiền 184.518.100 đồng, án phí dân sự sơ thẩm phải nộp là 5% giá trị tài sản có tranh chấp là 9.225.905 đồng.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 365 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V.

- Bà Lê Thị T có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH V số tiền nợ tính đến ngày 17/01/2025 là 184.518.100 đồng. Trong đó, nợ gốc là 85.958.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 98.560.100 đồng theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10596866, ngày 29/8/2014.

- Kể từ ngày 18/01/2025, bà T có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH V số tiền lãi quá hạn theo quy định tại Khoản 4.3 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết nợ.

Trả tiền một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho Công ty TNHH V số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014931, ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

- Bà Lê Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 9.225.905 đồng.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- CCTHADS quận G;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hạnh**